

## BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng,  
chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc  
(Tính đến 15h00' ngày 22/01/2022)

### I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

#### 1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 22/01/2022, ghi nhận 2.094.802 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.794.924 điều trị khỏi, 241.149 đang điều trị, 36.269 tử vong (tăng 152 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 2.065.856 trường hợp (tăng 16.637 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

#### 2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

**2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 7.387 ca (tăng 281)**, trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 7.372 ca, tăng 280 ca, trong đó: 15 khu cách ly; 200 cộng đồng; 65 cách ly tại nhà, khu phong tỏa (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **15** trường hợp (tăng 01).

**2.2. Tình hình điều trị:** 2.694 bệnh nhân (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 4.686 bệnh nhân (tăng 234). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

**3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế:** lũy tích 77.045 người.

- Số F1 đang cách ly: 6.357 người (cách ly tập trung: 373); lũy tích: 33.135 người (tăng 511).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 35.610 trường hợp (tăng 134) tại các tỉnh/thành phố: TPHCM (5.518), Hà Nội (14.073), Đồng Nai (446), Bình Dương (617), Phú Thọ (9.171) và các vùng có dịch khác (5.648). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 67.063 (dương tính: 525, âm tính: 66.520, chờ kết quả: 18).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.772 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 4.920 trường hợp.

**4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):**

**4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày:** 3.838 mẫu (37 Realtime - PCR; 3.801 Test nhanh).

**4.2.** Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.897.584 mẫu (7.387 dương tính; 09 nghi ngờ; 1.890.167 âm tính; 21 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 2.822 mẫu, lũy tích: 752.220 mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 93.059 mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.052.305 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 446.244 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 997 mẫu, lũy tích: 606.061 mẫu.

### **5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:**

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

#### **5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên**

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 778.018 người (đạt 98,5% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.736.564 mũi (Mũi 1: 778.018; Mũi 2: 767.677, đạt 97,2% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 190.869, đạt 24,2% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: 9.456 người; lũy tích: 1.305.700 mũi, đạt 95,4%.

#### **5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi**

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.808 người (đạt 94,7 % dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: 198.934 người (Mũi 1: 107.808 người; Mũi 2: 91.126 người, đạt 80,1% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 0 người

**6. Khoanh vùng, cách ly xã hội:** 0 địa điểm.

## **II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO**

### **1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:**

**1.1.** Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

**1.2.** Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

### **2. Các khu cách ly tập trung:**

**2.1.** Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 29 cơ sở.

**2.2.** Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

### **3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:**

#### **3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:**

Trong ngày, có 17 người nước ngoài (gồm Hàn Quốc 14, Đài Loan- TQ 01, quốc tịch khác 02) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với mục đích: Làm việc 03, cách ly

14. Hiện, toàn tỉnh có tổng số 3.001 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

### **3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:**

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 05 cơ sở kinh doanh, lưu trú, 03 cơ sở tôn giáo; chưa phát hiện cơ sở vi phạm.

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.089 trường hợp số tiền 8.631.500.000 đồng.

### **III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI**

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp ***cấp bách, tạm thời*** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

1. Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho **từ 05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20% tương ứng với NCLN rất cao)** và khuyến khích hàng ngày ***tạm thời*** thực hiện xét nghiệm sàng lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số ca mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,.. trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

**\* Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tác được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông báo cho các đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (***khi dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD***).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

STT	Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố	Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19
	<b>TỈNH VINH PHÚC</b>	02113.858.858/ 0854325858
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ VINH YÊN</b>	0858.513.365
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ PHÚC YÊN</b>	02113.520.678/ 0911.221.718
<b>III</b>	<b>HUYỆN LẬP THẠCH</b>	02113 666 021/ 0332 441.633
<b>IV</b>	<b>HUYỆN TAM DƯƠNG</b>	02113.895.429/ 0857.310.978
<b>V</b>	<b>HUYỆN TAM ĐẢO</b>	02113.686.369/ 0877205138
<b>VI</b>	<b>HUYỆN BÌNH XUYỀN</b>	02113.503.688/ 0886.016.120
<b>VII</b>	<b>HUYỆN YÊN LẠC</b>	02113.836.002/ 0379.969.778
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN VINH TƯỜNG</b>	02116.283.686/ 0982.623.466
<b>IX</b>	<b>HUYỆN SÔNG LÔ</b>	02113.666.000/ 0966759989

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (gửi kèm theo TCBC này), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức

mời/đề xuất người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngừa; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngừa trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

***Nơi nhận:***

- TTTU, TT HỘND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Hữu Vinh**

**Phụ lục 1:**  
**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY**  
*(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 22/01/2022 của Sở TT&TT)*

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	N.V.TIỆP	1998	Nam	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
2	T.V.HÃNG	1961	Nam	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
3	T.M.CƯỜNG	1993	Nam	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
4	L.T.THUẬT	1994	Nữ	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
5	N.T.LUÛU	1969	Nữ	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
6	N.OANH	1994	Nữ	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
7	N.C.THỤY	1988	Nam	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
8	D.M.HIỆP	1994	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
9	L.V.ĐẠT	1974	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
10	N.T.ĐÌNH	1988	Nam	Quất lưu	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
11	N.T.HÃNG	1985	Nữ	Quất lưu	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
12	K.K.DUY	2015	Nam	TT Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
13	K.Đ.GIANG	2017	Nam	TT Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
14	N.H.KIÊN	2004	Nam	TT Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
15	N.T.THU	1960	Nữ	TT Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
16	N.D.MẠNH	2012	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
17	L.N.BÍCH	2016	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
18	N.T.LAN	1974	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
19	N.H.THU	1993	Nam	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
20	N.T.CẢNH	1984	Nam	TT Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
21	N.T.THU	1968	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	L.T.HOÀN	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	L.B.KHÁNH	2021	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	L.Q.CHUYỀN	1994	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
25	Đ.V.THỦY	1997	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	C.T.PHƯƠNG	1996	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	P.X.ĐOÀN	1993	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
28	B.T.LAN	1995	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
29	B.T.GIANG	2001	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
30	S.T.NHƯ	1997	Nữ	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
31	N.D.HUÂN	2001	Nam	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
32	H.V.HIẾU	1998	Nam	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà



33	N.T.NHÂN	1954	Nữ	TT Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
34	N.T.N.HÒA	1983	Nữ	TT Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	N.T.HÙNG	1982	Nữ	TT Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
36	P.V.TRƯỜNG	1976	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
37	N.V.HÙNG	1997	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	H.T.THU	1998	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
39	Đ.V.HÙNG	1974	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
40	L.T.BÌNH	1975	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
41	N.T.CỘI	1905	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
42	N.T.QUYỀN	1959	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
43	V.T.GIÀNG	1989	Nữ	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
44	P.T.H.LOAN	1981	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
45	L.V.GIÀNG	1999	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
46	T.V.Ê	2000	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
47	Ô.C.TÚ	2002	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	Đ.N.HẢI	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	T.T.THƠM	1982	Nữ	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	T.Q.HƯỜNG	1975	Nam	TT Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	P.T.N.MAI	2020	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	N.T.HƯƠNG	1971	Nữ	TT Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
53	V.T.T.HƯƠNG	1995	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
54	T.V.THƯỜNG	1992	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	N.T.HÒA	1986	Nữ	TT Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
56	H.T.SÁNG	1976	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
57	N.V.CỠ	1991	Nam	TT Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	P.T.LOAN	1989	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	C.T.LINH	1998	Nữ	TT Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
60	L.T.TÙNG	1988	Nam	TT Tam Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
61	B.T.QUY	1982	Nữ	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
62	T.T.VUI	1964	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
63	B.P.ANH	2017	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
64	V.N.SINH	1966	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
65	L.T.HỢP	1997	Nam	Nhạo Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
66	T.Đ.TUẤN	1983	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
67	H.T.NHÀN	1960	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
68	T.L.NHẬT	2012	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
69	N.X.TUNG	1964	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu phong tỏa
70	N.T.ANH	1998	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
71	Đ.T.TÚ	1987	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
72	N.T.LIÊU	1979	Nữ	Quang Yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

73	T.T.HƯƠNG	1993	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
74	T.Q.HÙNG	2018	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
75	T.T.KHANH	1962	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
76	V.D.HÙNG	1990	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
77	N.T.X.THANH	1995	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
78	T.X.THỤ	1997	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	N.T.K.DUNG	1986	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
80	K.S.GIL	1991	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
81	L.T.TÌNH	1990	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
82	Đ.T.NỤ	1987	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
83	P.T.TUYÊN	1987	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
84	N.T.BÌNH	1987	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	T.N.ÁNH	1999	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	N.X.MAI	1976	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
87	N.M.QUÂN	2011	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
88	P.V.VƯỢNG	1990	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
89	T.T.THỊNH	1944	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
90	N.T.TÙNG	2014	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
91	N.T.LỰA	1980	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
92	N.T.T.PHƯƠNG	1982	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
93	D.V.DŨNG	1979	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
94	V.V.LÝ	1961	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
95	N.V.LONG	1979	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
96	H.C.KHÁI	1981	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
97	N.T.L.ANH	2004	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
98	N.T.KIỆT	2014	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
99	T.T.XUYẾN	1988	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
100	H.V.HÙNG	1984	Nam	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
101	T.V.QUÂN	1978	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
102	T.T.M.SINH	1977	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
103	L.A.TÚ	1992	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
104	F.LATTANAVONG	1994	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
105	N.V.HÙNG	1982	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
106	V.X.TRƯỜNG	1991	Nam	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
107	N.H.SOẠN	1989	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
108	P.T.ĐIỂM	1940	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
109	N.T.M.HƯƠNG	1990	Nữ	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
110	B.P.CÔN	1977	Nam	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
111	N.T.LAN	1986	Nữ	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
112	V.T.K.CHI	2006	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly

113	N.T.T.MAI	1999	Nữ	Tuân Chính	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
114	P.T.N.Ý	2016	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
115	P.T.NHU	1988	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
116	N.V.TIỀN	1986	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
117	L.V.HƯNG	1994	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
118	L.T.TÂM	1997	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
119	T.V.HỮU	2000	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
120	N.M.N.LONG	2000	Nam	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
121	N.T.NGỌC	2003	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
122	N.T.T.TRANG	2003	Nữ	Đại Đồng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
123	N.V.TÂN	1987	Nam	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
124	K.L.ĐAN	2021	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
125	B.T.LÝ	1987	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
126	T.T.HÔNG	1984	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
127	Đ.T.NGA	1983	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
128	Đ.T.HUỆ	1987	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
129	T.T.LIÊN	1992	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
130	N.T.UYÊN	1997	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
131	T.V.MINH	2011	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
132	T.G.BẢO	2011	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
133	P.T.ANH	2011	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
134	N.T.PHƯỢNG	2011	Nữ	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
135	H.T.TỆM	1993	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
136	B.V.BÌNH	2002	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
137	N.T.HƯỜNG	1960	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
138	N.T.K.NHÂN	1989	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
139	N.T.MAI	1986	Nữ	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
140	L.V.TIỀN	1989	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
141	N.V.HUY	1985	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
142	P.T.DÀN	1962	Nữ	Tứ Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
143	N.T.M.HOÀ	1985	Nữ	Cao Đại	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
144	B.T.THẢO	1992	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
145	N.V.SÁU	1984	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
146	L.T.BÍCH	1989	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
147	N.V.DŨNG	1978	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
148	P.T.TUYẾN	1956	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
149	B.T.HUYỀN	1966	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
150	P.V.VINH	1987	Nam	Tứ Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
151	K.T.T.HƯƠNG	1992	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
152	C.T.LUẬN	1970	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly

153	P.T.LOAN	1970	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
154	N.T.THỦY	1957	Nữ	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
155	N.V.VỠ	1960	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
156	L.T.DUNG	1985	Nữ	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
157	B.T.MINH	2000	Nữ	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
158	N.V.ĐUỘC	1974	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
159	N.P.HỒNG	1979	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
160	T.T.NGÔ	1949	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
161	N.T.HÒA	1954	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
162	T.V.TRƯỜNG	1979	Nam	Trung kiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
163	T.Q.BÌNH	1976	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
164	N.T.XUYÊN	1987	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
165	Đ.T.YẾN	1988	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
166	N.T.NHÀI	1993	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
167	B.T.YẾN	2003	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
168	L.T.VÂN	1975	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
169	Đ.T.THÚY	1974	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
170	T.V.MÃO	1963	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
171	T.B.NAM	2012	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
172	T.V.MẬN	1970	Nam	Văn Tiến	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
173	N.V.QUYỀN	1996	Nam	Văn Tiến	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
174	N.T.OANH	1983	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
175	N.V.NGHĨA	1967	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
176	N.V.THANH	1981	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
177	N.K.HIỆP	1983	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
178	N.T.NGÂN	1978	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
179	B.T.DUYÊN	1986	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
180	V.V.HÙNG	1984	Nam	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
181	P.T.T.HẰNG	1988	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
182	T.T.HÒA	1984	Nữ	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
183	C.B.HÙNG	2014	Nam	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
184	K.T.THÚY	2022	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
185	K.N.HÒA	2008	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
186	K.T.HÙNG	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
187	L.T.M.THÙY	2002	Nam	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
188	Đ.V.HÒA	1986	Nam	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
189	Đ.V.PHÚC	2020	Nam	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
190	T.T.TÂM	1997	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
191	N.H.PHÚC	1996	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
192	T.T.LY	2002	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

193	N.T.YẾN	1993	Nữ	Hồng Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
194	H.V.HOÀN	1885	Nam	Hồng Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
195	B.V.HIẾU	1999	Nam	Hồng Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
196	N.Đ.LƯƠNG	1948	Nam	Hồng Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
197	N.K.HƯNG	2021	Nam	Trung Kiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
198	T.M.HIẾU	2011	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
199	Đ.T.TRANG	1981	Nữ	TT Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
200	T.T.LÝ	1979	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
201	Đ.K.LINH	2011	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
202	B.Đ.TRẦN	2001	Nam	Hồng Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
203	V.T.T.HƯƠNG	1985	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
204	K.Đ.CHUNG	1993	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
205	N.T.THU	1976	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
206	N.T.ĐUỘC	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
207	V.M.ĐĂNG	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
208	H.H.YẾN	2011	Nữ	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
209	T.X.TRƯỜNG	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
210	B.M.QUÝ	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
211	T.Ý.NGHĨA	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
212	T.V.VỸ	1974	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
213	N.T.NGUYỆT	1977	Nữ	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
214	N.T.K.NGÂN	2011	Nữ	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
215	Đ.N.U.LINH	2011	Nữ	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
216	N.T.GIANG	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
217	L.Á.N.ANH	2011	Nữ	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
218	L.T.LÂM	2011	Nam	TT Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
219	H.V.BÃY	1988	Nam	TT Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
220	N.T.ANH	1992	Nam	TT Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
221	N.B.TRUNG	1992	Nam	TT Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
222	T.V.HOÀN	2001	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
223	C.X.TÀI	1986	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
224	N.C.CÔNG	2013	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
225	N.T.H.LAN	1999	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
226	N.T.T.HƯƠNG	1997	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
227	T.T.MINH	1983	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
228	D.V.KHANG	1997	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
229	D.V.DÂN	1999	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
230	N.T.HIỀN	1994	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
231	N.N.TÚ	1994	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
232	H.T.DŨNG	1989	Nam	TT Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly

233	Đ.Đ.TUYẾN	1985	Nam	TT Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
234	P.Đ.TUẤN	1994	Nam	TT Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
235	H.V.TUẤN	1993	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
236	V.T.PHƯƠNG	1980	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
237	Đ.T.HUÂN	1982	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
238	B.T.NGUYỆT	2000	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
239	Đ.T.THỦY	1990	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
240	T.V.TOÀN	1995	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
241	T.T.H.LÊ	1983	Nữ	TT Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
242	D.Đ.BÌNH	1964	Nam	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	cộng đồng
243	V.V.HEM	2003	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
244	N.T.HẢO	1987	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
245	N.V.DƯƠNG	1985	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
246	N.T.CHUNG	1989	Nữ	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
247	N.P.THẢO	2017	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
248	N.P.LINH	2015	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
249	C.D.L.ĐAN	2019	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
250	N.T.BÌNH	1952	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
251	N.T.HUYỀN	1994	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
252	N.V.TRƯỜNG	1970	Nam	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
253	C.T.HÒA	1953	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
254	H.V.TÙNG	1978	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
255	N.V.TĨNH	2001	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
256	Đ.A.QUÂN	1980	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
257	V.T.TỪ	1949	Nữ	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
258	P.HÙNG	1989	Nam	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
259	N.T.HẰNG	1993	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
260	M.T.TUỔI	1997	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
261	H.T.HUYỀN	2001	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
262	N.T.T. HẰNG	1980	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
263	V.T.YÊN	1980	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
264	D.D.VY	2017	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
265	L.V.HÀ	1988	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
266	N.T.T.TRANG	1993	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
267	Đ.N.HÀ	2021	Nữ	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
268	N.S.HÙNG	2000	Nam	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
269	T.T.TÚ	1995	Nữ	Tiền Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
270	P.T.CÂN	1983	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
271	V.T.TRANG	1993	Nữ	Tử Du	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
272	Đ.T.THỐM	1981	Nữ	Tiền Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

273	Đ.T.HUỆ	1988	Nữ	Tiên Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
274	L.T.KIÊN	1998	Nam	Son Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
275	P.T.THẢO	1990	Nữ	Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
276	Đ.T.GIANG	2003	Nữ	Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
277	N.T.H.NHUNG	2013	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
278	N.T.T.GIANG	2013	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
279	N.T.M.PHƯƠNG	1997	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
280	N.T.DƯƠNG	1995	Nam	Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
281	T.T.HƯỜNG	1986	Nữ	Triệu Đề	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
282	H.V.VỸ	1995	Nam	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
283	Đ.T.N.BÍCH	2013	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
284	Đ.T.VÂN	1992	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
285	N.T.LAN	1983	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
286	T.C.THẮNG	1998	Nam	Ngọc Mỹ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
287	Đ.V.PHÚC	1998	Nam	Ngọc Mỹ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
288	N.X.MAI	2013	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
289	T.T.KIỆT	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
290	T.T.OANH	1990	Nữ	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
291	H.T.PHƯƠNG	1995	Nữ	Hoàng Hoa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
292	N.T.VĨNH	1993	Nữ	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
293	N.T.HƯỜNG	1975	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
294	H.T.NGƯ	1997	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
295	P.T.BÌNH	1980	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
296	Đ.V.DŨNG	1978	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
297	Đ.T.HỒNG	1984	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
298	N.T.MAI	1981	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
299	N.T.HƯỚNG	1985	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
300	P.T.HÀ	1977	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
301	T.M.TUẤN	2010	Nam	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
302	V.T.VƯỢNG	1979	Nữ	Thanh Vân	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
303	N.T.TỶ	1975	Nữ	TT Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
304	Đ.P.THẢO	2015	Nữ	TT Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
305	Đ.X.BẢO	2015	Nam	TT Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
306	N.V.THÀNH	1996	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
307	V.V.CƯỜNG	1960	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
308	H.V.BẢO	1992	Nam	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
309	Đ.T.CHUNG	1975	Nữ	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
310	P.V.HÀ	2003	Nam	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
311	Đ.T.LAN	2001	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
312	N.V.TRUNG	1997	Nam	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

313	P.V.DỤC	1998	Nam	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
314	Đ.T.H.TRANG	1999	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
315	Đ.T.T.THỦY	1959	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng



**Phụ lục 2:**  
**TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19**  
(Kèm theo Bản tin ngày 22/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Cơ sở điều trị COVID-19	Cũ	Vào	Ra	Hiện có
1	BVDC số 1	97	22	0	119
2	BVDC số 2	110	5	0	115
3	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	58	0	11	47
4	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	695	34	86	643
5	Lập Thạch (Cơ sở 1)	20	0	11	9
6	Lập Thạch (Cơ sở 2)	72	16	6	82
7	Phúc Yên (Cơ sở 1)	0	0	0	0
8	Phúc Yên (Cơ sở 2)	198	2	15	185
9	Sông Lô (Cơ sở 1)	0	0	0	0
10	Sông Lô (Cơ sở 2)	61	0	2	59
11	Tam Dương (Cơ sở 1)	61	0	2	59
12	Tam Dương (Cơ sở 2)	107	9	5	111
13	Tam Đảo (Cơ sở 1)	50	0	0	50
14	Tam Đảo (Cơ sở 2)	123	11	0	134
15	Tam Đảo (Cơ sở 3)	0	21	0	21
16	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	68	0	14	54
17	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	67	0	6	61
18	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	104	0	15	89
19	Vĩnh Tường (Cơ sở 4)	77	7	0	84
20	Vĩnh Yên	359	27	33	353
21	Yên Lạc (Cơ sở 1)	87	1	0	88
22	Yên Lạc (Cơ sở 2)	158	27	0	185
23	Bệnh viện 74 Trung ương	0	0	0	0
24	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	9	0	0	9
25	Điều trị tại nhà	0	2	0	2
26	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	113	315	372	56
	<b>Tổng số</b>	<b>2.694</b>	<b>499</b>	<b>578</b>	<b>2.615</b>

